TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 937/2024/DS-ST
Ngày 24/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X , THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Bá Bằng
Ông Trần Quốc Hà
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân quận X
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận X tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 892/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 451/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 446/2024/QĐST-DS ngày 26/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông N.M.T, sinh năm 1975 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 672/5/15 đường N , Phường M , quận X , Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà L.T.T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)
Ông Đ.Q.T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 51/18/130 hẻm 51 đường P , Phường B , quận X , Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/06/2024 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, khoảng tháng 3/2023 ông N.M.T có cho vợ chồng ông Đ.Q.T và bà L.T.T vay số tiền 215.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 7%/tháng, với mục đích để kinh doanh, không có ký giấy vay mượn nợ mà thông qua giao dịch tin nhắn Zalo điện thoại. Số tiền ông T cho ông T bà T vay chia thành nhiều đợt từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023.

Quá trình cho vay ông T và bà T đã trả cho ông T được 20.000.000 đồng tiền lãi (trả lắt nhắt nhiều lần lúc 300.000 đồng, lúc 500.000 đồng, lúc 700.000 đồng…), đến đầu tháng 8/2023 vợ chồng ông T bà T xin không trả lãi nữa và

hứa sẽ trả tiền nợ gốc trước tháng 01/2024.

Ngày 21/01/2024 bà T có chuyển khoản thanh toán cho ông T 15.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tổng cộng ông T bà T còn thiếu của ông T 200.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Từ ngày 21/01/2024 cho đến nay, ông T bà T không thanh toán cho ông T bất kỳ khoản tiền nào nữa. Ông T đã nhiều lần liên lạc với ông T bà T để yêu cầu ông bà thanh toán khoản tiền nợ trên nhưng ông T bà T không nghe máy cố tình tránh né và không có thiện chí trả nợ vay. Do đó, ngày 15/5/2024 ông T có làm thông báo yêu cầu ông T bà T trả nợ cho ông trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 15/5/2024 đến ngày 25/5/2024, nếu hết thời hạn trên ông T bà T không thanh toán nợ thì ông T khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền. Nhưng cho đến nay ông cũng không nhận được bất cứ phản hồi nào từ phía ông T và bà Tuyền.

Nay ông yêu cầu ông Đ.Q.T và bà L.T.T có trách nhiệm trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này. Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền ông cho vợ chồng ông T bà T mượn là tiền riêng của cá nhân ông không liên quan gì đến vợ ông là bà Nguyễn Thị Thanh Hồng, sinh năm 1979. Nên ông yêu cầu Tòa án không đưa vợ ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông Đ.Q.T , bà L.T.T nhiều lần để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Đ.Q.T và bà L.T.T vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện VKSND quận X tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà

không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại quận X , Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận X .

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông N.M.T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Đ.Q.T , bà L.T.T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông T đã cung cấp cho Tòa án các tin nhắn Zalo điện thoại do ông T xác nhận vay nhiều lần với tổng số tiền 215.000.000 đồng, quá trình vay ông T bà T đã trả được 15.000.000 đồng tiền nợ gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi, số tiền nợ gốc còn lại là 200.000.000 đồng. Xét, mặc dù trong các tin nhắn Zalo điện thoại không thỏa thuận thời hạn trả nợ, tuy nhiên theo lời khai của ông T thì ông có làm thông báo đòi nợ gửi qua đường bưu điện yêu cầu ông T bà T thanh toán nợ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 15/5/2024 đến ngày 25/5/2024, tuy nhiên đã quá thời hạn mà ông T bà T vẫn chưa thanh toán. Như vậy có căn cứ xác định việc vay nợ trên là có thời hạn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự "*Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn*…". Do đó ông T yêu cầu vợ chồng ông T bà T thanh toán số tiền vay 200.000.000 đồng là có cơ sở.

Trong quá trình vay mượn phía ông T xác nhận vợ chồng ông T bà T có trả cho ông 15.000.000 đồng tiền nợ gốc (số tiền này do bà T chuyển khoản trả cho ông Tiến), như vậy việc ông T vay tiền để kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và bà T có biết việc vay mượn nợ như trên. Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "…Vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với các giao dịch một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình…". Do đó, yêu cầu của ông T buộc ông T bà T cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp nên chấp nhận.

Xét về yêu cầu trả lãi nhận thấy mặc dù trong các tin nhắn Zalo điện thoại các bên không thỏa thuận về mức lãi suất cho vay, tuy nhiên căn cứ vào lời khai

của nguyên đơn thì các bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng 7%/tháng ông T bà T có thanh toán cho ông T 20.000.000 đồng tiền lãi (trả lắt nhắt nhiều lần lúc 300.000 đồng, lúc 500.000 đồng, lúc 700.000 đồng…) nên có thể xác định khoản vay trên là có lãi. Tại bản tự khai ngày 19/7/2024 nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối, không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: " Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện,... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 5.000.000 đồng, tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.M.T .

Buộc ông Đ.Q.T và bà L.T.T có trách nhiệm trả cho ông N.M.T số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Đ.Q.T và bà L.T.T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Hoàn lại 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn ông N.M.T theo biên lai thu số 0013999 ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X .

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.X ;
- THA DS Q.X ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Trang